TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 8 - 2020.
V/v ly hôn giữa anh Ch và chị M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Rạng;
2. Ông Vũ Đức Khang.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Ch, sinh năm 1978. Địa chỉ: Xóm Ch, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định.

* *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1989. Hộ khẩu thường trú: Xóm Ch, xã H, huyện N, tỉnh Nam Định. Chỗ ở hiện nay: Xóm 6, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt anh Ch, chị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như lời khai anh Trần Văn Ch tại phiên tòa thể hiện: Anh và chị Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 3 năm 2011, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Về con chung anh Ch xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Trần Thục Ch, sinh ngày 09/3/2012, cháu Trần Đức Ch, sinh ngày 15/6/2014, cháu Trần Thanh Tr, sinh ngày 19/10/2016 (Hiện chị M đang trực tiếp nuôi cả 03 con chung). Sau khi ly hôn, anh Ch đề nghị được nuôi hai cháu Trần Thục Ch và Trần Đức Ch, để chị M nuôi cháu Trần Thanh Tr vì trước đây sau khi vợ chồng ly thân anh vẫn trực tiếp nuôi cháu Ch và cháu Đức Ch đến thời gian gần đây chị M mới đón hai con về nuôi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Về tài sản chung nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí anh nhận nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên toà hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị M có lời khai trình bày thống nhất với những điều nguyên đơn đã khai về việc đăng kí kết hôn giữa hai người là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn anh Ch không quan tâm đến gia đình hay nhậu nhẹt bê tha. Nay anh Ch có đơn xin ly hôn với chị thì chị xác định tình cảm của vợ chồng không còn nên chị cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Về con chung: Chị M xác định vợ chồng có ba con chung là cháu Trần Thục Ch, sinh ngày 09/3/2012, cháu Trần Đức Ch, sinh ngày 15/6/2014, cháu Trần Thanh Tr, sinh ngày 19/10/2016 (Hiện chị M đang trực tiếp nuôi cả 03 con chung) vợ chồng ly hôn chị M có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả 03 con chung và yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung ở mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một cháu một tháng cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị nhất trí để anh Ch nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N trình bày quan điểm, đánh giá việc thu thập chứng cứ, tài liệu xây dựng hồ sơ cũng như diễn biến phiên tòa Tòa án nhân dân huyện N đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh giữa anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị M. Về con chung: Xử giao cháu Ch và cháu Tr cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu

Đức Ch cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng và anh Ch phải đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu Tr cùng chị M mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Tr trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Đức Ch, sinh ngày 15/6/2014 cho anh Trần Văn Ch nuôi dưỡng.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị tuyên án phí với anh Ch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị M đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại huyện N, tỉnh Nam Định. Anh Trần Văn Ch có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị M và Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị M vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N là hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung mặt khác anh Ch hay nhậu nhẹt không quan tâm đến vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng thường xảy ra xô xát đánh chửi nhau, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2019. Nay anh Ch xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết vợ chồng được ly hôn. Chị M cũng xác định có vợ chồng có mâu thuẫn và cũng không muốn níu giữ tình cảm nên chị cũng nhất trí thuận tình ly hôn. Thấy việc thuận tình ly hôn của anh Ch và chị M là hoàn toàn tự nguyện không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị M thống nhất xác định vợ chồng có 03 con chung gồm cháu Trần Thục Ch, sinh ngày 09/3/2012, cháu Trần Đức Ch, sinh ngày 15/6/2014 và cháu Trần Thanh Tr, sinh ngày 19/10/2016 (Hiện chị M đang trực tiếp nuôi cả 03 con chung). Sau khi ly hôn, anh Ch đề nghị được nuôi hai cháu Trần Thục Ch và Trần Đức Ch, để chị M nuôi cháu Trần Thanh Tr. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào. Phía

chị M đề nghị được nuôi cả ba con chung là cháu Trần Thục Ch, cháu Trần Đức Ch, cháu Trần Thanh Tr và yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung ở mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một cháu một tháng cho đến khi các cháu trưởng thành tự lập được. Tòa án đã lấy ý kiến của con chung là cháu Trần Thục Ch là con trên 7 tuổi của anh Ch và chị M, cháu Trần Thục Ch có ý kiến trong trường hợp bố mẹ ly hôn cháu Ch có nguyện vọng xin ở với mẹ. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện đề nghị giao anh Ch nuôi cháu Đức Ch còn chị M nuôi cháu Ch và cháu Tr.

Hội đồng xét xử thấy điều kiện kinh tế cũng như khả năng nuôi con của chị M và anh Ch là như nhau, cả hai đều làm công nhân có thu nhập tương đương nhau, việc giao cả ba con chung cho chị M nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được quyền lợi của con chung, vì vậy nên giao cho chị M trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Ch và cháu Tr còn anh Ch trực tiếp nuôi cháu Đức Ch và anh Ch có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thanh Tr cùng chị M mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Tr trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp. Chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Đức Ch, sinh ngày 15/6/2014 cho anh Trần Văn Ch nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Trần Văn Ch phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1 - Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn Ch và chị Nguyễn Thị M.

2 - Về con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Đức Ch, sinh ngày 15/6/2014 cho anh Trần Văn Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung của vợ chồng là cháu Trần Thục Ch, sinh ngày 09/3/2012 và cháu Trần Thanh Tr, sinh ngày 19/10/2016 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ch có trách

nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Thanh Tr cùng chị M mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu Tr trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị M phải có trách nhiệm giao con chung là cháu Trần Đức Ch, sinh ngày 15/6/2014 cho anh Trần Văn Ch nuôi dưỡng. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3 - Về án phí: Anh Trần Văn Ch phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con tổng số tiền án phí anh Ch phải nộp là 600.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Ch đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0000796 ngày 11/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, anh Ch còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương

Nơi nhận:
- Toà án nhân dântỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.